



# Tôi Viết Tên Anh

*Captovan, K19.*

Những ngày tháng cuối năm thường có nhiều niềm vui, người người chuẩn bị tặng nhau những gói quà và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Đêm Giáng Sinh, chiều tất niên, sáng tân niên, đồng môn, đồng khóa, bạn bè ngồi bên nhau nâng ly chúc mừng:

- “Merry Christmas And Happy New Year.”

Chiều tất niên 2016, gia đình nhà họ Võ quây quần bên nhau chúc mừng sức khỏe và mong mọi người vui vẻ với nhau, nhớ đến nhau, gọi tên nhau ở những tất niên kế tiếp, tất niên 2017-2027...

Mong ước tương lai là thế, nhưng chúng ta vẫn nhớ lại những ngày tháng khó quên của đời lính chiến, thương tiếc quá những người anh em đã ra đi! Thiên đàng, địa ngục hai nơi, các anh ở nơi nào tôi không biết, nhưng tôi biết tôi nhớ tên các anh. Tôi không biết “viết tên anh trên đá trên hoa, viết tên anh trong trái tim tôi”, nên tôi viết tên các anh trên trang giấy này, những kỷ niệm khó quên như mới xảy ra hôm qua.

“Hôm qua”: Sáng 31/12/1964, tôi dẫn anh em ra bãi tập của TD5/TQLC ở bên cạnh suối Lò Ổ, Dĩ An, dưới chân núi Châu Thới, Biên Hòa. Bãi tập chiến thuật là cánh rừng thưa có nhiều mai vàng đang hé nhụy, báo hiệu mùa Xuân sắp về. Khi thực tập bài học tấn công, anh em binh sĩ lại nguy trang bằng những cành hoa mai, việc này tuy sai với nguyên tắc, nhưng tôi chỉ mỉm cười, vì nếu có ai tinh ý sẽ thấy trên ngực áo rằn của tôi

cũng ngự trang một cành mai với hai bông.

Mới tốt nghiệp thiếu úy, ra trường vừa đầy tháng mà ngực áo đã cài hai bông mai ắt là có điềm hên xui, vinh thăng hay truy thăng? Thăng nào cũng là thăng cả, hai cái thăng dính liền với đời lính chiến, một thăng cười, một thăng làm người yêu khóc!

Kèn báo động, tôi nhận lệnh đem đại đội trở về doanh trại gấp. Cả tiểu đoàn đã súng đạn sẵn sàng ở sân cờ để tiếp viện cho đơn vị bạn đang đụng nặng. Mấy trung đội trưởng chúng tôi lo âu ngơ ngác nhìn nhau. Nhìn vào phòng “văn khang” chúng tôi đã thấy, hoa rượu đã sẵn sàng trên bàn tiệc, ngoài cửa, cờ quạt cùng dòng chữ “Cung Chúc Tân Xuân”, thay vì phát phối bay thì đang rung lên bần bật theo tin dữ báo về: “TĐ4 đang đụng nặng”.

Trung Úy Dương Bửu Long\*, ĐĐT/ĐĐ4, sau khi kiểm soát súng đạn xong, kéo tôi ra chỗ vắng nói nhỏ:

- TĐ4/TQLC đụng ở Bình Giả, thiệt hại nặng lắm. Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Phó, Bác Sĩ tử trận cả rồi! Các đại đội trưởng là Tr/Úy Huệ (K17) tử trận, Tr/Úy Toàn (K16) mất tích, chỉ còn Tr/Úy Tùng\* và Tr/Úy Tổng\* (K16). Hai bạn cùng Khóa 19 của mày là Th/Úy Kháng và Hùng cũng tử trận rồi!

(\*Các anh Long\*, Tùng\*, Tổng\* nay cũng không còn nữa rồi!).

Nghe tin các bạn đồng khóa TQLC Võ Thành Kháng, Nguyễn Văn Hùng và BĐQ Nguyễn Thái Quan đã tử trận khiến tôi sững sờ, toàn thân tê đi. Tình nguyện về các đơn vị chiến đấu là chọn hiểm nguy, nhưng không ngờ các bạn tôi lại ra đi nhanh như thế.

Chúng tôi vừa tốt nghiệp thiếu úy ngày 28/11/1964, mới hưởng xong 15 ngày phép miễn khóa, cấp lon thiếu úy TQLC kim tuyến trắng tinh, chưa dính bụi trần, vẫn còn hương thơm và dấu tay của người yêu thì đã nhuộm máu. Các bạn tôi đã hy

sinh, đã trả xong nợ nước, trả xong “cả vốn lẫn lời”!

Ngày trình diện đơn vị, các anh nắm tay người yêu, thì thầm: “*Anh sẽ về đìu em đi ngắm chợ hoa Nguyễn Huệ.*” Nhưng Xuân này anh không về mà em đến thăm anh với bó hoa và nước mắt, các anh đã được truy thăng trung úy! Bất chợt tôi nhìn xuống ngực áo, hai cánh hoa mai tôi “ngụy trang” đã rớt



### ***Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1975.***

hồi nào.

Chẳng ai còn thiết: “Ngày Xuân nâng chén ta chúc...”, mà “chúc người binh sĩ lên đường” trực chỉ Pleiku, Kontum, Đức Cơ, Tân Cảnh, Dakto, nơi nào có súng nổ là có chúng tôi. Lần hồi bạn cũ thưa dần vì đi phép dài hạn thì có thêm bạn mới bổ sung.

“Hôm qua”, 12/1965, khí hậu Kontum lạnh buốt mùa Đông, đại đội tôi dừng quân bên ven rừng. Đêm tối âm u, gió lùa từ dưới võng lên lưng, sương khuya đọng trên poncho nhỏ giọt xuống làm chúng tôi không sao có thể ngủ được, mong cho mau sáng để đốt lửa sưởi ấm và “nhớ nhà châm điếu thuốc”.

- Ê Cấp, làm ngum cafe không?

Trời tảng sáng, nghe tiếng Đà Lạt gọi, tôi vội vùng dậy...

- Đàn anh hỏi khó khăn em. Café xong phải thêm điều con mèo nữa nghe.

Đà Lạt Nguyễn Kim Đễ (K16VB) làm đại đội trưởng của tôi thay thế anh Dương Bửu Long (K9TĐ đi học). Vì cùng tần số nên mỗi khi đóng quân đêm anh thường ở với trung đội tôi để kể chuyện đời 1515 và “chia xẻ” cho tôi ly cafe, ly ca-cao, điều con mèo. Những hàng “cao cấp” này do chị nhà trang bị cho anh mỗi chuyến hành quân. Đà Lạt và tôi diu nhau từ TĐ5 sang TĐ2/ TQLC, rồi cùng bị thương và về Phòng Ba Sư Đoàn nên anh em tôi có rất nhiều kỷ niệm buồn vui, nay thì Đà Lạt không còn nữa! Ngày nghe tin anh vĩnh biệt gia đình, tôi bồi hồi nhớ Đà Lạt, tôi viết tên anh:

*“Trâu Già, Mãnh Hổ, Đà Lạt Nguyễn Kim Đễ  
Khóa 16 Trường Võ Bị Quốc Gia,  
Tiểu Đoàn 2, Tiểu Đoàn 9, Trưởng Phòng Ba SĐ/TQLC.  
Một Cọp Biển can trường,  
Một cấp chỉ huy lý tưởng,  
Một con chiến ngoan đạo,  
Đã sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa.  
Nhưng đồng đội, đồng môn, đồng khóa thương tiếc Anh.”*

\* \* \*

Sau khi chia nhau ca cafe, điều thuốc tôi khều nhẹ ông anh:

- Đà Lạt, hôm nay chờ tiếp tế, anh cho tụi em “zooc” ra phố rửa mắt tí.

- Với điều kiện không say và về đúng giờ.

Tôi rủ thêm mấy người bạn cuộc bộ ra phố Kontum, không xa nơi đóng quân, điểm đến đầu tiên là quán bên bờ sông Dapla của cô Trâm ví bự chân dài. Sau khi nốc vài ly men kiểu “nguru ằm”, cảm thấy chẳng có gì vui nên bọn tôi vòng ra phố chính Trần Hưng Đạo. Đi ngang tiệm chụp hình, thấy lá Quốc Kỳ treo trước cửa, Chuẩn Ủy Trần Tử Phương gỡ xuống rồi quàng vào người. Quang Gù (K19VB), Lộc Lùn, Thảo Thầy

Giáo (K17TĐ) và tôi đề Phương nằm xuống. Bốn thằng cầm bốn góc lá cờ phủ lên người Phương, miệng đồng ca: “ò, í, e, ò ò í í e...e”, tiếng kèn truy điệu bằng mồm vừa dứt thì Phương vùng dậy, miệng cười toe:

- Tao chưa chết, Tử Phương chưa tử.

Đi hành quân mà chơi trò... cười này thì đúng là “chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng”. Chẳng phải điềm gỡ, chẳng phải số, chẳng phải không quý mạng sống nhưng đứng trước mũi tên hòn đạn ắt nguy hiểm hơn đứng trước bảng đen trong quận đường nên sau đó Trần Tử Phương và Thảo đã tử trận tại Mộ Đức.

Nếu như ngày “hôm qua”, 31/12/1964, nhiều đồng đội, đồng khóa, đồng môn của tôi tử trận tại Bình Giả thì ngày “hôm qua”, 31/12/1967, đối với tôi còn quái ác hơn, tôi mất đi những người anh em “yêu” nhau còn hơn ruột thịt.

Những ngày cuối năm 1967, tin cho biết 2 tiểu đoàn địa phương VC 261 & 262 sẽ đánh chiếm 2 quận Giáo Đức và Cai Lậy để chặn nguồn tiếp tế lương thực Tết từ Vùng IV về Saigon nên Chiến Đoàn B/ TQLC gồm TĐ1 và TĐ2 được lệnh hành quân lùng và diệt địch trong vùng Định Tường.

Sáng 31/12/1967, Đại Đội 1/TĐ2 của tôi nhảy trực thăng đọt đầu xuống mục tiêu kinh Cái Thia, quận Cai Lậy, và đụng địch ngay. Dù mọi thứ súng từ trong bờ kinh bắn ra, quân ta từ đồng ruộng trống không chỗ ẩn nấp nên cách duy nhất để tìm cái sống trong cái chết là nhào vô. Với kinh nghiệm, Đại Đội Phó Nguyễn Quốc Chính, K20VB đã chỉ huy điều động quân thay cho Trung Đội Trưởng Huỳnh Vinh Quang, K22VB mà phát tay ra lệnh “xung phong” thẳng vào mục tiêu. Giặc chạy tán loạn, quân ta giảm thiểu được thương vong, nhưng than ôi, tiếng Quang hét qua máy:

- Anh Cấp! Anh Chính chết rồi!

Đã mang họ Võ vào thân thì việc tình nguyện ra chiến trường là đương nhiên. Nhưng nếu có ai nghĩ rằng “mọi người

vì mình” mà tìm chữ “THỌ” thì cũng có thành phần vì tình “Huỳnh Đệ Chi Bình” mà hy sinh. Tôi gọi họ là ANH HÙNG, trong số đó có Trung Úy Nguyễn Quốc Chính K20VB.

Thông thường đại đội phó đi với cánh quân đầu, nhưng nhiệm vụ của Chính trong trận trực thăng vận này không phải là nhảy đầu với Quang mà vì lý do riêng nên tôi chỉ định Chính chỉ huy trung đội súng nặng (nhảy sau cùng), nhưng Chính “lờ lệnh thăng anh” mà “đi kèm thăng em” mới ra trường còn thiếu kinh nghiệm. Nhờ vậy mà TĐ14 Quang thoát hiểm, còn Chính thì hy sinh!

Máy ai đã làm được như Nguyễn Quốc Chính?

Nếu không nhìn tận mắt, nghe rõ tận tai thì có ai đó cho là chuyện “thường tình” (!). Nhưng với tôi, đã gần 50 năm rồi (12/1967-12/2016), hành động của Chính, tiếng kêu của Quang ám ảnh tôi như mới xảy ra hôm qua. Tôi nhớ đồng đội, đồng môn thân yêu của tôi, những người hùng: Phúc, Hợp, Chính.

Khi anh Nguyễn Xuân Phúc làm ĐĐT/ ĐĐ4/ TĐ2/ TQLC thì Trần Văn Hợp làm đại đội phó, còn Chính và tôi là trung đội trưởng. Trong giờ làm việc hoặc lúc hành quân thì “Võ Bị” (VB) cũng như “Võ Khoai” (VK) cứ thẳng mực tàu, gỗ có đau lòng cũng mặc, “thương em anh để trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh làm”. Nhưng ngoài giờ làm việc và trong thâm tâm thì sự đùm bọc và thương yêu nhau vượt lên trên tất cả.

Một gia đình có 4 anh em, tên nào cũng ngang như cua, nên mỗi khi ngồi bên nhau thì cứ cãi nhau như “mỏ bò”, vui như Tết. Nhưng buồn quá, chú em út ra đi quá sớm, lúc 9 giờ sáng ngày 31/12/1967 bên bờ kinh Cái Thia! Gần 8 năm sau, lúc 9 giờ sáng ngày 29/3/1975, ông anh cả cũng biến mất trong khói lửa mịt mù bên bờ biển Non Nước!

Lúc 5 giờ sáng ngày 29/3/1975, mọi liên lạc với các đơn vị bạn từ Trung Tâm Hành Quân (TTHQ) Sư Đoàn TQLC ở căn

cứ Non Nước, Đà Nẵng bị rối loạn! Khuya đêm qua, Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I đã đến đây và lúc này thì ông vẫn quân phục chỉnh tề, ưỡn thẳng nếp với 3 ngôi sao nhỏ màu đen trên ve áo. Ông ngồi trên ghế bố trong góc TTHQ, hai khuỷu tay tì lên hai đầu gối chân, hai bàn tay ôm má chống cằm như để chống lại bao sức nặng đang đè lên đầu và cái nón sắt nằm dưới đất, sát với chân giày. Hình như ông “ngồi thiền”



***Một đơn vị TQLC tại Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1975.***

như thế đã mấy tiếng đồng hồ rồi. Thấy không khí ngột ngạt quá, tôi thoát ra ngoài tìm tí gió mát thì thấy 3 xe jeeps với máy móc, cần câu, mấy âm thoại viên đang khản cổ hét to vào ống liên hợp: “nghe không trả lời”. Còn Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn Phó LĐ369/ TQLC và Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/ TQLC thì đang đốt thuốc, nhìn trời “tìm sao”. Hùng đồng, sao trên trời đang lặn và ở nơi nào đó, nếu có sao trên cổ áo cũng lặn theo thì ở đây, sau lưng chúng tôi, trong TTHQ/ TQLC, 3 ngôi sao, tuy màu đen, nhưng vẫn lấp lánh ánh sáng.

Tôi đưa tay chào ba “quan lớn”, nhưng không ai thèm trả lời. Anh Phúc im lặng đưa tôi cái ca nhôm cafe, tôi cầm, không nói, không hỏi mà đưa tay móc bao thuốc trên ngực áo của Hợp. Còn anh Tùng thì đang “alô, alô” với Tân An Đoàn Văn Tịnh (K22VB), trưởng Ban Ba TĐ 9/TQLC của Lâm Tài



Thanh, đang từ xa rút về Non Nước.

Khoảng 6 giờ 30 sáng ngày 29/3, hai tàu LSM của HQ tiến vào bãi biển Non Nước để đón TQLC nên Đại Tá TLP/ SĐ/ TQLC cho lệnh TTHQ tiêu hủy tài liệu và chuẩn bị ra tàu LSM, tôi đứng nghiêm chào các anh, những “cây tùng trước bão”.

Đại Tá TLP/ TQLC hướng dẫn Trung Tướng TL/ QĐI ra bờ biển, chúng tôi theo sau. Hai ông đã được đưa lên tàu đậu gần bờ, còn con tàu LSM đón chúng tôi thì đậu xa bờ, sóng to gió lớn. Lượng sức người, khó mà bơi tới nơi, tôi đang tính quay trở lại đứng chung cùng các anh Phúc, Tùng, Hợp như tìm về “mái nhà xưa”, ĐĐ4/TĐ2 thì gặp anh Phạm Văn Sắt đi tới, có anh có em tôi cảm thấy an tâm.

Nhớ lại bài học vượt sông năm xưa ở hồ Than Thở, anh em tôi cuốn poncho làm phao. Dập diu theo sóng bạc đầu, ngụp lặn chiến đấu với hà bá, cuối cùng cũng được kéo lên tàu vào lúc sắp xuôi tay, miệng đọc: “xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ, nhân danh cha và con”. Từ trên boong tàu nhìn xuống mặt nước biển, tôi thấy những người cột phao quanh cổ giữa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động. Họ đã chết thật rồi. Vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, “lính thủy đánh bộ” mà, đằng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiêu người đang cố gắng tìm cái sống trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc, Tùng và Hợp còn trên đó. Người người tán loạn. Đạn rơi tôm-tôm quanh tàu. LSM vội lui ra khơi, những người bơi chưa tới không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.

Số phận hai anh Phúc và Tùng đứng bên bờ biển, trên bãi cát cũng thế. Hai anh “mất tích” ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu! Nếu như bình thường thì các anh cũng đã đứng trên boong tàu như chúng tôi, nhưng các anh là những cấp chỉ huy lý tưởng, sống chết cùng đơn



vị, cùng thuộc cấp. Tuy sách vở dạy là thế, nhưng thực tế, trước sống chết, hành động được như các anh không phải là nhiều, các anh là những tấm gương sáng cho thế hệ sau noi theo, chúng tôi hãnh diện có những đàn anh như thế, tôi viết tên Anh...

Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/ TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là TĐP/ TĐ 6 của Tr/Tá Lê Bá Bình. Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại và đã nhập chung với TĐ 9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chủng viện Sơn Trà và Hoàng “mất tích”. Tất cả diễn tiến này đã được Đ/Úy Ban 3 TĐ 9 là Đoàn Văn Tịnh K22 viết trong “*Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về*”.

“Hôm qua”, 24/12/1975, trong trại tù Suối Máu, Biên Hòa, Trần Văn Hợp kiểm đầu ra được ít vỏ bí và một miếng bí đỏ cỡ 3 ngón tay, kèm theo cái loon guigoz có ít nước vo gạo và chùng ¼ chén cơm nguội, hấn bảo tôi:

- Giao cho mày cái này để nấu chè, đêm nay mình ăn “reveillon”.

- Đường đâu mà... chè!

- Cho tí muối thay đường, hạt muối chia hai, chia ba còn ngọt hơn đường. Đừng cho họ biết, chờ đúng lúc có chuông nhà thờ, mình gọi họ dậy cùng thưởng thức.

“Họ” là gồm các anh Đoàn Trọng Cảo K13, Đinh Xuân Lãm\* và Trần Kim Hoàng\* K17. K19 có Trần Xuân Bằng\*, Trần Văn Hợp\*, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp. K21 có Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn. Chúng tôi ở cùng trại hoặc nằm sát bên nhau trong nhà tù Suối Máu, thương nhau, an ủi nhau nhưng không có gì cho nhau ngoài hai tiếng “niên trưởng”

**Giáng Sinh 25/12/1975.**

Nệm là miếng chiếu rách trải trên nền xi măng.

Chăn là mảnh “poncho line”, bông gòn không còn, chỉ có cái vỏ mỏng tanh.

Những giọt sương khuya tí tách, lộp độp trên mái tôn, gió rít qua khe vách.

Lạnh quá, ngủ không được, tôi nằm nghiêng, co chân, ôm đầu gối vào lòng kiếm tí ấm thì đặng Trần Văn Hợp, hấn giật mình hỏi:

- Mày làm gì thế mà thúc đầu gối vào lưng tao?

- Lạnh quá, tao co đầu gối kiếm tí ấm.

Hấn im lặng, bản tính là thế. Không co bên phải nữa, tôi xoay qua bên trái, lại nghe anh Hoàng càu nhàu:

- Sao mày cứ nhúc nhích hoài vậy, tao đang ngủ ngon. Mày làm tao thức, cái đói nó hành hạ dạ dày thì làm sao tao ngủ tiếp?

Nghe anh Trần Kim Hoàng cằn nhằn, tôi đành nằm ngửa, đưa bụng đói lên trời, dán da lưng xuống đất, chịu trận cho cái lạnh nó hành. Bụng đói cật rét là vậy.

Tôi không ngủ được vì lý do loon guigoz chèn mà Hợp giao cho tôi nấu đã bị đổ hết rồi! Tôi treo loon chèn lên đầu cần câu đưa vào lò nấu cơm của nhà bếp công cộng, lửa nóng quá, cháy đầu cần câu bằng thanh gỗ, lon guigoz rớt xuống đồng than hồng, tôi như rơi xuống địa ngục!

“Bính boong, bính boong”. Từng hồi chuông kéo dài, rồi “Đêm Thánh Vô Cùng”, “Đêm Đông”, “Cao Cung Lên”... từ xứ đạo Kim Bịch, ở cây số 6, Hồ Nai, vút lên trời cao, vọng vào trại Suối Máu, len vào từng thớ thịt, mạch máu của những tên tù bất đắc dĩ.

Xứ đạo Kim Bịch ở cây số 6, rất gần với trại Suối Máu, ban ngày tôi trông rõ cái tháp chuông. Kim Bịch là nơi tôi đã đi tu mấy năm trời, cha bố của tôi là Linh Mục Thọ, ngài có cái đầu hói, thông minh nhưng kỷ luật vô cùng. Ngài giao cho tôi phụ trách tập hát cho ca đoàn, trong ca đoàn có cô nhỏ xinh, tên

Lựu, cô hay liếc và cười duyên với thầy dạy hát. Sau lễ nửa đêm Noel năm ấy, cô bé hẹn tôi đến tháp chuông... Thế là cha bố bắt gặp và tôi bị xuất tu. Chúa gọi thì nhiều mà chọn thì ít chứ không phải vì tôi chọn Lựu làm người yêu.

Đêm nay là Giáng Sinh 25/12/ 1975. Giáng Sinh đầu tiên tôi bị nhốt trong tù. Tôi nhớ gia đình, và thậm chí không biết cô học trò tên Lựu còn ở xứ kim Bích không? Tuy gần mà xa.

Tôi ngồi dậy làm dấu Thánh Giá, mở miệng không ra nhưng nghe trong đầu có tiếng ca: “Silent Night, HoLy Night”.

Trong bóng đêm lờ mờ, nhiều tiếng động, tôi biết có nhiều anh em cũng đã ngồi dậy cầu kinh và hát theo những bản thánh ca.

Hợp cũng ngồi dậy từ hồi nào, chờ tôi lắm bảm xong bài Silent Night, hẳn hỏi:

- Hát xong chưa, mang chè ra, tao gọi “họ” dậy.
- Tao làm đổ hết trong lò rồi, cái lon guigoz cũng cháy theo.

Hợp không nói gì, chỉ thở dài rồi nằm xuống. Tôi vốn là con chiên không ngoan đạo, nhưng trong hoàn cảnh khó khăn tôi tin là có Chúa. Gặp lúc hiểm nguy, người ta cầu xin cả Chúa lẫn Phật. Tôi cầu xin Chúa và bạn bè tha lỗi cho cái tội “đoảng” của tôi, nếu có lon guigoz nước gạo cũng không xong.

### **Giáng Sinh 25/12/1976.**

Trại tù Hoàng Liên Sơn nằm trên sườn núi miền Thượng Du Bắc Việt, vách phen, sạp nằm là những cây tre đan lại. Gió hú từ trên núi đá ập xuống, sương lạnh từ mặt hồ Thác Bà thổi thốc lên. Lạnh quá ngủ không được, tôi lấy miếng nylon quấn vào mình để giữ hơi ấm. Mồ hôi toát ra không lối thoát, nước thấm lại vào người làm tôi run lên bần bật. Tôi bò xuống đất, ôm đống lửa đốt ở giữa lán để sưởi nhưng vẫn lạnh từ sau lưng. Tôi nhìn quanh đống tro, nhìn lên mái, nhìn qua vách xem có con gì động đậy... Ước chi có khoai nướng vùi bếp tro.

Tôi nghe tiếng xéng cạo vào thành chảo com ở dưới bếp, chừng 3 giờ sang. Chắc là Mũ Đỏ Nguyễn Văn Nhỏ\*, người bạn cùng khóa, trưởng bếp, đang cạo những tảng cháy, bỗng dung tôi nuốt cái “ức”.

Sáng Chủ Nhật 25/12, hôm nay là ngày nghỉ, tù được lệnh tập trung xuống hội trường, vài người rỉ tai, hẹn sau buổi tập hợp sẽ gặp nhau...

Tất cả tù vừa ngồi bệt xuống đất xong thì tên tù trưởng hỏi:

- Các anh có biết hôm nay là ngày gì không?

Nhiều tiếng nhanh nhẩu đoán trả lời:

- Hôm nay là lễ Giáng Sinh, là Noel, là Sinh Nhật...

Satan nhếch mép cười:

- Sai, hôm nay là ngày 25/12, ngày “Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa”, các anh được đi làm “thông tầm”, nhà bếp tăng cường thêm khẩu phần...

Cai tù thường bắt tù đi làm thêm ½ ngày Chúa Nhật, nhưng lần này làm “thông tầm” là lao động cả ngày, khẩu phần được tăng cường là thêm một mẩu sắn luộc. Chúng bắt tù ra rừng, lên núi chặt cây đốn gỗ cả ngày mưa giá rét cắt da để không có dịp ca hát:

“Đêm Đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời”

Chúng ta thật thà, CS quý quái!

### **Giáng Sinh 25/12/2016:**

Đại gia đình họ Võ nơi, nơi nâng ly chúc nhau sức khỏe, nhớ về đơn vị cũ, chiến trường và ngục tù xưa, cùng nhau nhớ đến những đồng môn\* đã ra đi, họ là những đàn anh đáng kính, đồng khóa đáng mến, đàn em đáng phục.

- *Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam, đồng hát khúc ca quân hành.*

# Tôi là Ai?

41 năm nhìn lại

*Tuyết Hồng, TTNDH*

Tôi là một mảnh đất hình hài như chữ S.  
Tôi là đường viền nổi bởi Trung Hoa, Miên, Lào, và biển  
Đông  
Tôi là cô gái nhỏ bị cầu xé bởi ngoại bang và người cùng  
máu thịt  
Tôi là dòng suối nước mắt từ mẹ có người con trai vừa tử  
trận  
Tôi là những năm tháng làm bạc trắng mái tóc mẹ  
Tôi là cây gậy tre mà người mẹ già nua đang cầm chống chỏi  
mòn mỏi đợi con về  
*Tôi là chiếc áo cưới chưa bao giờ mặc vì người lính không  
bao giờ trở lại*  
*Tôi là một miếng khăn tang quấn trên đầu người vợ thơ ngây*  
*Tôi là đứa bé đang bú sữa từ thân xác của người mẹ vừa  
trúng đạn*  
*Tôi là xác chết khắp trên quê hương trong trận chiến*  
*Tôi là mồ chôn hàng vạn người sống bởi tay người cộng sản*  
*Tôi là viên đạn vô tình giết người không ngần ngại*  
*Tôi là người thương binh không tay, không chân*  
Tôi là chiếc áo cưới nhuộm đầy máu đỏ  
Tôi là mái nhà tranh bị tàn phá bởi những quả bom vô tình  
Tôi là cây dừa không còn ngọn vì hỏa tiễn  
Tôi là những cánh đồng lúa bị tàn phá vì chiến tranh  
Tôi là cái chén không cơm trên bàn ăn tối  
Tôi là một nụ cười cay đắng khi đất nước tôi rơi vào tay  
Cộng Sản  
*Tôi là người chiến sĩ tuấn kiệt vì lòng trung thành với tổ quốc*

Tôi là ngọn cờ Vàng không còn bay phất phới trên quê hương VN  
Tôi là người chiến binh bại trận trong những nhà tù “cải tạo”  
Tôi là nhà tù giam những ai muốn tìm tự do  
Tôi là những ngọn gió hung bạo ngăn cản những ai muốn bỏ nước ra đi  
Tôi là biển cả chôn sống hàng trăm ngàn người khát khao xa lìa loài quỷ dữ  
Tôi là những vĩ tuyến chia lìa mái ấm gia đình  
Tôi là người cha chưa bao giờ biết mặt con vì khi đi con còn trong bụng mẹ  
Tôi là một trái tim ngừng đập vì thương nhớ quê hương  
Tôi là một người hành trình cô độc trên con đường đấu tranh cho nhân quyền

**Nhưng tôi là con đường hy vọng đem an bình và tự do đến cho dân tôi**  
**Vì tôi là một dân tộc bất khuất trước ngoại bang và chủ nghĩa độc tài.**



# Khúc Bi Ai Trên Sông

Ngọc Anh, K26

**K**ý ức về một người bạn tưởng như đi vào quên lãng thì Hồng, người em họ của S. đến nhà tôi, rủ đi tìm hài cốt S. theo chỉ dẫn của một nhà ngoại cảm. Tất cả đã gọi dậy trong tôi một nỗi nhớ.

S. và tôi cùng học một khóa 4 năm tại một quân trường Dalat. Chúng tôi là đôi bạn cùng khóa duy nhất sống ở Pleiku. Theo qui định, khi đang học không được kết hôn. Nhưng S. trước khi nhập học, đã cưới một cô nữ sinh trường nữ trung học Pleime về làm vợ, trên danh nghĩa, với mục đích nhờ cô ấy chăm sóc cho cha của S. vì mẹ của S. mất sớm. Khi S. đang theo học thì gia đình chỉ còn lại hai người. Họ hẹn nhau sau bốn năm khi S. ra trường, sẽ chính thức thành vợ chồng.

Nhưng lời hứa như gió bay, cô nữ sinh Pleime ấy đã phải lòng một anh chàng pi lốt “à terre.” (*Chúng tôi thường dùng những danh từ này để nói mấy anh chàng Không Quân làm việc ở dưới đất hay bận bộ đồ bay để đi “cua” các em nữ sinh ở Pleiku.*) Sự việc xảy ra đã để lại trong S. một nỗi buồn da diết. Cha của S. phải qua sống với người em trai.

Ngày ra trường, S. chọn phục vụ một sư đoàn bộ binh ở Kontum. Còn tôi lên đênh ngoài biển cả.

“...Anh sẽ ra đi về miền cát nóng  
Nơi có quê hương mịt mù thuốc súng  
Anh sẽ ra đi về miền mênh mông  
Con gió cao nguyên từng đêm lạnh đầy...” P.D.



Kể ở núi, người nơi biển cả nên chúng tôi dần dần mất liên lạc với nhau. Cho đến hơn một năm sau, tôi tình cờ đọc mục cáo phó trên báo, thì được biết S. đã hy sinh. Đêm ấy, tôi đi phiêu hải hành, sóng to gió lớn làm con tàu lắc lư, nhưng trong đầu tôi chông chênh nghiêng ngã hơn. Tôi khóc cho người bạn ra đi khi tuổi đời còn quá trẻ.

\* \* \*

Chúng tôi tìm đến vùng đất bên bờ sông Đak Bla. Ngày ấy vùng ốc đảo khép kín hiểm trở này chưa có cây cầu bắc qua nên ít người biết đến. Nhưng những trận đánh khốc liệt thường hay xảy ra. Bây giờ dân cư đang sống ở nơi đây rất đông đúc.

Theo hướng dẫn, chúng tôi tìm được một ngôi mộ dưới gốc cây bằng lăng ở bên sông, gần một nhà sàn xiêu vẹo. Qua chuyện kể của một số người dân tộc sống lâu năm ở đây và khi vào ngôi nhà, chúng tôi nhận ra bộ trây-di và một tấm thẻ bài, xác định đó là của S.

Ông già trong làng tên B'lo giọng trầm trầm kể cho chúng tôi nghe về S...

Mùa hè chiến tranh gia tăng khốc liệt năm ấy, đơn vị S. được tung xuống đây. Trong một lần đụng độ S. bị thương và đi lạc. Phải mất cả tuần, S. mới thoát ra khỏi cánh rừng. Trước mặt anh, một buôn làng nằm dọc ven sông. Anh tìm đến ngôi nhà sàn nhỏ khuất sau những tàng cây. Anh tới gần một khúc gỗ làm cầu thang bắt lên nhà sàn thì kiệt sức, vì đói khát và một cánh tay bị thương, đã sưng tấy vì nhiễm trùng nên anh không thể leo lên. Anh yếu ớt gọi chủ nhà. Một cô gái chạy ra cửa. Cô suýt kêu lên nhưng kịp bịt miệng khi thấy một người đàn ông bạn quân phục dính đầy bùn đất pha lẫn chút máu sẫm khô, bộ dạng tiều tụy. S. nhìn cô với ánh mắt khẩn cầu. Anh nói thều thào “Hãy cứu tôi.”

Niê, tên cô gái, đắn đo đôi phút, rồi cuối cùng cô dìu anh lên nhà, chăm sóc. Vết thương của S. sau khi được săn sóc và cho thuốc đã từ từ lành. Nhưng vì sức khỏe S. quá yếu nên một

cơn sốt rét ập đến. Niê lằng xằng tìm cây thuốc chữa cho anh. Cô bớt phần ăn của mình, dành những món ăn ngon để bồi bổ cho anh. Tuy vậy, phải mất hơn tháng trời anh mới hoàn toàn bình phục

Khi vết thương tương đối lành và sức khỏe hơi khá hơn, S. luôn có ý nghĩ làm thế nào để trở về đơn vị cũ. Được sự đùm bọc, che chở của dân làng, cũng như vóc dáng giống dân địa phương, S. coi như tạm yên sống nơi đây. không bị CS lâu lâu qua làng khám phá ra S. đang trốn chạy. Nhưng việc trở lại đơn vị là không thể vì chung quanh làng là mật khu lớn của VC. Nếu vượt qua chắc chắn S. sẽ bị bắt. Ngày qua ngày, S. càng trở nên tuyệt vọng vì không có lối thoát. Ngược lại được sự săn sóc tận tụy của Niê, tình cảm của anh dành cho cô càng thêm sâu đậm.

Ở lại đây với Niê? Có được hay không? Một cô gái người Bahnar mồ côi cha mẹ. Trước đây, cô từng sống và phụ lễ trong nhà thờ bên kia sông. Vì không ai chăm sóc ngôi nhà và vườn tược của cha mẹ để lại nên cô phải về đây, chấp nhận cuộc sống cô độc, hẩm hiu.

Chăm sóc cho S. trong những ngày đau ốm, cô không quản ngại vất vả gian nan. Trước chàng trai người Kinh này, tâm hồn cô bỗng xao xuyến. Cô yêu S. và trong lòng S. cũng trỗi dậy một thứ tình cảm đôi lứa mà từ lâu ngỡ đã tan biến trong anh.



Cuối cùng, S. quyết định tạm ở lại. Anh bày tỏ muốn lập gia đình với Niê. Cô gái chấp nhận và thuyết phục mọi người trong làng đồng ý.

Từ bỏ mọi phen hoa, sung sướng nơi thị thành, anh cùng Niê ngày ngày làm nương rẫy, vui sống bên nhau. rông, chờ đợi có cơ hội trốn chạy cùng Niê,

Hạnh phúc nhân lên gấp bội khi Niê báo tin đã mang trong mình một giọt máu của anh. Anh càng nâng niu, chịu chuộng Niê và đợi chờ ngày thiên thần bé nhỏ của anh chào đời.

Oan nghiệt thay cho số phận của Niê và S. Một đêm, trời se lạnh, Niê trần trọc không chợp mắt được, trong khi S. ngủ ngon lành sau một ngày làm việc vất vả. Bếp lửa chỉ còn lại những đóm than hồng nhỏ. Niê sợ S. lạnh nên cô nhẹ nhàng đi xuống nhà sàn, rút những cây củi để châm thêm vào bếp, sưởi ấm căn phòng. Trong khi lấy củi, một con rắn đã phóng nhanh ra, cắn vào tay của Niê. Cô hét lên làm S. thức giấc. Anh vội vàng chạy xuống đưa cô vào nhà.

Anh dùng đủ mọi cách để không cho nọc rắn lan nhanh vào cơ thể Niê: buộc dây vải chặn chỗ vết thương, hút máu độc ra... Đây là loại rắn độc nên Niê ngày càng nóng sốt, người cô thâm tím dần.

Thương vợ, S. tìm cách vượt sông trong đêm tối mịt mù, để tìm thuốc chữa. Con sông mùa này nước cạn, có chỗ đáy phơi những vũng cát, có chỗ nước sâu chỉ đến ngực nên S. lần mò cũng ra được giữa sông. Định mệnh trớ trêu dành cho anh. Một con lữ bắt chọt tràn về cuốn phăng anh đi...

\* \* \*

Ông già B'lo ngưng nói. Ông gỡ nhẹ chiếc tàu cho tàn thuốc rớt ra, rồi nhồi một cục thuốc khác. Ông châm lửa hút, rồi ngược mắt nhìn làn khói lững lờ bay cao. Một chập ông tiếp tục kể...

Tưởng rằng trong đêm ấy một gia đình sẽ bị xóa sổ trên thế gian này. Nhưng có một điều kỳ diệu xảy ra. Niê bỗng thấy đau bụng ghê gớm. Cái bào thai đã hút phần lớn chất độc để dành sự sống cho mẹ. Niê thoát khỏi bàn tay tử thần nhưng nằm mê man. Sáng hôm sau dân làng phát giác và đưa cô đi cấp cứu.

Vài ngày sau, người ta tìm thấy anh, đem về chôn cạnh bờ sông gần nhà cùng với đứa con của anh. Khi Niê hồi phục, biết tin S. mất, cô khóc lóc, gào thét đau thương. Cô bỏ ăn, bỏ uống trong nhiều ngày. Cuối cùng, cô ngồi im lặng, mặc thời gian trôi qua, trong căn phòng tranh tối tranh sáng của mình.

Chiến tranh kết thúc. Một chiếc cầu được bắc qua sông. Có một phụ nữ, mỗi lần hoàng hôn xuống, ra giữa cầu nhìn dòng nước lững lờ trôi, cất tiếng hát, hát mãi cho đến trời sụp tối mới về. Giọng cô nghe bi ai, có một bài hát trước kia âm điệu tươi vui, nay nghe sao buồn bã. (Đó là bài hát Niê đã chỉ cho S. hát trong mỗi lần lên rẫy hay gặp gỡ dân làng.) Bài hát này có ý nghĩa như sau:

*Sáng sớm mai anh lên rẫy  
Em đi sau nhớ mang hủ rượu  
Để anh ngồi ngắm trời  
Em ơi, chiều ý anh để anh vui*

Vừa hát vừa khóc. Nước mắt cô chảy đầm đìa trên mặt. Xong cô lặng lẽ trở về, dấu mình trong căn nhà hiu quạnh.

Một thời gian sau không thấy cô ra giữa cầu nữa. Nghe nói có một phái đoàn từ thiện đưa cô đi chữa căn bệnh ở nước ngoài... Nhiều năm không thấy cô trở về chốn cũ, giờ đây cô đã lưu lạc ở nơi đâu?

Buổi chiều, xong việc bốc hài cốt của S., chúng tôi cùng ngồi uống rượu cần với già B'lo và vài người dân làng bên bờ sông. Lòng trĩu nặng nỗi buồn, tôi uống khá nhiều rượu nên chính choáng men say. Tôi nghe mơ hồ trong tiếng gió từ đại ngàn thổi về trên sông có tiếng cười nói, hát ca của một đôi vợ chồng trẻ, tiếng bi bô của một đứa bé... Tất cả chỉ là ảo giác nhưng đó là hình ảnh đẹp của một hạnh phúc mà ai cũng ước mơ. Phải không S. và Niê?

*10-2016*

# Đọc

## “Chặng Đường Nói Tiếp”

Như Hoa - Áu Tím / Phạm Thực – TQLC – Tiểu Đoàn 6  
Thần Ưng, K26/1

*Lời tòa soạn:* Nhận được “CHẶNG ĐƯỜNG NÓI TIẾP” của TQLC Giang Văn Nhân, Cựu SVSQ/K22/TVBQGVN gửi tặng, chúng tôi định sẽ có đôi lời giới thiệu sách trên trang báo ĐH 108. Không ngờ, nữ sĩ Như Hoa-Áu tím đã nhanh tay “dành phần”, nên tôi, một đàn em của Niên trưởng Nhân, chỉ muốn gởi “ké” vào đây một đôi dòng thay lời CẢM ON và xin được giới thiệu tác phẩm qua cảm nghĩ của chị Như Hoa-Áu tím sau khi đọc xong cuốn sách.

Trân trọng giới thiệu “CHẶNG ĐƯỜNG NÓI TIẾP” cùng độc giả của Đa Hiệu.

Muốn liên lạc với tác giả để “order” sách, xin gởi về địa chỉ email: [bixitrum@yahoo.com](mailto:bixitrum@yahoo.com)

Hoặc gọi số phone: 832 495-7724

Nguyễn Phán, K24  
Cựu Chủ Bút Đa Hiệu

**Q**uãng hay Chặng nhỉ? Cả hai chữ đều có nghĩa từ điểm A đến điểm B nói theo các ông nhà binh là “chấm tọa độ!” Các ông đã được huấn luyện để thành cấp chỉ huy đều được học tìm phương hướng tìm đến đúng mục tiêu qua cách này, không ít khi tôi nghe các ông

đùa: “Chăm nhằm mục tiêu nên gặp sư tử thay vì nai!”

Nhận được quyền sách của một người lính Thủy Quân Lục Chiến, đọc tựa xong đầu óc tôi làm việc ngay, tiếng Việt yêu dấu của tôi có những chữ biết nói biết hỏi: Quãng - Đoạn - Chặng, đọc đến những chữ này lòng tôi cũng bồi hồi theo.

**Quãng** của người phụ nữ tôi đây là Một Quãng Xuân Thi, **Đoạn** của người lính bộ binh Thế Uyên là Đoạn Đường Chiến Binh, **Chặng** của người lính Thủy Quân Lục Chiến Giang Văn Nhân là Chặng Đường Nối Tiếp.

Quãng của phụ nữ quá đơn giản để hình dung:

*Tôi là con gái buồn như lá cây của Nhã Ca đến: Ba năm sau em trở thành thiếu phụ - Đinh Trâm Ca – kết thúc có thể là hạnh phúc có thể là không!*

Đoạn Đường Chiến Binh thì được tác giả giới thiệu rõ ràng:

*Đoạn đường chiến binh là tên gọi một khoảng đường dài từ bốn trăm đến một ngàn thước trong các quân trường. Người tân binh phải chạy từ đầu đến chót con đường này, lúc chui dưới kềm gai, lúc bò dưới địa đạo, lúc leo lên cầu cao, khi chạy qua cầu khỉ, lộn nhào qua cửa sổ. Một người khỏe hết sức ngoài đời, khi đến chặng chót của đoạn đường chiến binh, cũng mồ hôi chảy thấm tới giày và thở hắt.*

*Người viết trong nhiều năm gần đây ôm ấp tham vọng sẽ viết một cuốn tiểu thuyết thật dày, phác họa bối cảnh sẽ là tất cả những chặng khổ đau của dân tộc Việt Nam trong mấy chục năm nay. Nhưng dĩ nhiên là chưa viết được chương nào cả vì chính người viết cũng còn đang từng chặng, từng bước*



*mà vượt qua đoạn đường chiến binh của chính mình. Bởi thế, người viết cũng rất buồn khi, đáng lẽ phải đưa ra một trường giang tác phẩm, lại chỉ gửi tới những người đọc những ghi chú riêng tư trong cuộc đời mình. Nếu có một hy vọng an ủi nào, đó là kỳ vọng người đọc sẽ tìm thấy qua đoạn đường chiến binh chẳng ra gì của người viết vài nét chính phác lược của đoạn đường chiến binh dân tộc Việt Nam đang băng qua – không biết đã tới chặng nào.*

*Thế Uyên.*

Đến Chặng đường Nói Tiếp, tôi vừa nhận được từ Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến Giang Văn Nhân chặng nói tiếp chặng ngay trên bìa sách, chiếc nón sắt được ghi tràn ngập địa danh, thành phố đã đi qua nét viết không đều, Huế - Đức Cơ - Bình Điền - Cần Thơ - Hoàng Sa - Đầm Dơi - Kapuchea - Gio Linh - U Minh - Hạ Lào - Sài Gòn - Quảng Trị. Ngắm hình chiếc nón, tôi thật tò mò muốn xem mặt nón phía bên kia còn những địa danh nào nữa. Tôi thắc mắc, dùng bút gì để ghi được lên nón nét chữ đậm rõ kiểu như loại bút Shaprie tôi dùng bây giờ, người lính đi hành quân có mang theo bút để viết thư như cổ ca nhạc sĩ Nhật Trường diễn tả trong Tình Thư Của Lính thật sao?

Dĩ nhiên, người không đi lính, không là lính như tôi thắc mắc là phải, nhưng ông “quan” của tôi biết ngay, sĩ quan luôn có hai cây viết chì mỡ một xanh một đỏ để vẽ chấm trên bản đồ. Lại thêm một điều hay cho tôi biết thêm về đời lính, nếu có đọc những điều ba hoa nhăng cuội tả - viết về lính Việt Nam Cộng Hòa trên các diễn đàn tôi có thể nhận xét thật hay giả, vì tôi biết không ít các ông chẳng biết gì về “chỉ huy” tha hồ kể chuyện các trận đánh “tưởng tượng” mình là chỉ huy, khi sự thật chàng chỉ mang “cánh gà” trên vai áo vào thời gian ấy!

Sách không nặng về hình thức, chữ rõ dễ đọc là điều khiến tôi có thể thông thả theo tác giả chặng nói tiếp chặng.

Lời tựa của tác giả khiến người đọc cảm động, chữ không



nhều nhưng nặng tình nặng nghĩa, để gìn giữ miền Nam “*kinh tế miền Nam phát triển, dân chúng sống trong cảnh thanh bình, nhà nhà ấm no, hạnh phúc*” sau hiệp định Genève 1954, tác giả đã bỏ bút nghiên theo tiếng gọi của tổ quốc từ năm 1965 cùng “*hàng hàng lớp lớp thanh niên khác đủ mọi thành phần trong xã hội*” vì cộng sản cố tình phá hủy: “*pháo kích trường học, chợ búa, thành phố, đặt chất nổ chôn mìn trên đường lộ, cảnh thanh bình an vui trở thành máu lửa đỏ nát.*”

Những người trai xa lạ từ Bến Hải đến Cà Mau cùng lý tưởng cùng nhiệm vụ đã khắng khít tình thân như thủ túc, không ít người đã hy sinh trong lớp tuổi đẹp nhất đời người, tác giả đã chứng kiến rất nhiều cái chết tưởng như đùa của bạn bè cùng khóa, của các sĩ quan cùng trận địa, của các thuộc cấp cùng đơn vị, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, điều tốt đẹp nhất của một quân nhân Việt-Nam Cộng-Hòa là: “*Đem tình thương để cải hóa hận thù.*” Sách của ông viết đầy nhân bản, chỉ thấy cấp chỉ huy lo lắng cho các chiến sĩ dưới quyền, nếu có điều không hay chỉ kể ra mà không trách cứ. Dĩ nhiên dưới ánh mặt trời tất cả các huy chương đều có mặt trái của nó.

Chặng Tìm Tự Do, trốn cộng sản– tìm cách vượt biển – được đặt chân lên mảnh đất tự do ngày 31 tháng 3 năm 1986. Tôi đã khóc khi Trung Tá Thủy Quân Lục Chiến John Smith bắt tay chúc mừng anh Giang đến mảnh đất tự do, sự thật rất dễ xác định trong cuộc phỏng vấn cho dù giấy tờ chứng minh không còn vì đã bị hủy trên đường vượt biển. Mười lăm phút trả lời các câu hỏi của ông Smith, cả một cuộn phim về chặng đời của người sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, được đào tạo từ quân trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt khóa 22, chậm chậm trình chiếu lại trên các trang sách tiếp nối, đưa người đọc vào hành trình gian khó đầy xúc cảm của ông, nếu không kể hết ra hẳn sẽ dần vạt mãi trong tâm trong trí.

Bắt đầu từ anh chàng thanh niên 55 kg đến anh chàng 63 kg sau 8 tuần tân khóa sinh bị các “hung thần” đàn anh còn

gọi là “niên trường” dạy dỗ, người đọc bị lôi cuốn theo cách viết nhẹ nhàng không hoa mỹ, kiểu kể chuyện từ tốn nhưng rõ ràng cẩn thận, khi nhắc đến kỷ niệm có tên những nhân vật còn sống hay đã mất trong ấy. Hình ảnh được ghi chú càng lôi cuốn người đọc theo những chặng đời ông đã trải qua. Nghẹn ngào khi biết có người sau khóa huấn luyện rừng núi sinh lầy tại Dục Mỹ, khi trở về trường đã bỏ đời ra đi vì vi trùng sốt rét.

Qua chặng đầu này, tôi biết rõ hơn về cách phân chia đơn vị tác chiến sau khi các anh sinh viên trường Võ Bị Quốc Gia Việt-Nam Đà-Lạt ra trường, tiếp đến là trình diện sư đoàn, sau đó là trận chiến gian lao phải đối phó với lũ Việt-Cộng thậm thà thậm thụt trong hầm trong hố, ngay cả trên chiến trường Kampuchea chúng cũng dùng cùng một phương cách du kích, nếu cấp chỉ huy không có các anh lính khinh binh lanh lợi, có kinh nghiệm quan sát tình hình chung quanh trước khi dẫn quân đến thì phần thương vong không ít. Những đoạn tả về người lính khinh binh, ông thật sự ghi ơn họ cho dù họ không được đào tạo trong trường lớp, nhưng kinh nghiệm trường đời nhiều khi có giá trị hơn cả mảnh bằng có chữ ký và con dấu đóng trên ấy.

Là phụ nữ, là vợ lính Thủy Quân Lục Chiến, những chuyện nghe kể bên bàn nhậu của các ông khi có dịp được họp mặt rất nhiều, nhiều đến nỗi khi đọc Chặng Đường Nổi Tiếp, tôi thốt lên với nhà tôi: *Ồ! Em biết chuyện này nè.* Thêm vào đó là những bài viết của nhà văn mũ đỏ Đoàn Phương Hải trong hai tập truyện Góc Biển Chân Trời và Nhớ Về Người Lính Năm Xưa mà tôi được tác giả thân tặng. Thủy Quân Lục Chiến – Nhảy Dù– Biệt Động Quân là ba binh chủng buổi họp mặt nào cũng có nhau, những chuyện kể những địa danh lập đi lập lại, những chiến tích tôi nghe không ít và nỗi buồn mất bạn dĩ nhiên phải nhiều hơn niềm vui chiến thắng. Ai cũng biết:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi  
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi  
Tuý ngoại sa trường quân mạc tiểu*

## *Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi!*

Nhưng khi người viết tản nhiên kể về chị quả phụ Hai, các cháu Đạt cháu Uyên, những câu chữ dường như thỗn thức, mất chồng mất cha mảnh đời còn lại hẳn gặp ghènh trắc trở, còn đâu mùi nồng trên bộ quân phục ngày anh trở về từ trận địa, còn đâu chiếc cổ mạnh mẽ để hai cháu choàng tay ôm ghi khi anh bước vào nhà. Tưởng tượng hình ảnh mẹ con dắt díu nhau về ngoại, khăn tang trắng bay trong chiều bụi phủ, nổi hột hăng chơ vơ, chiến tranh và hệ lụy của nó thật thấm khốc.

Thoang thoáng vài tên con gái được nhắc khiến quyển sách bớt khô khan, dòng tóc nào thoáng gặp trên đường hành quân, vài áng thơ lưu luyến nhớ nhưng khiến người đọc nghĩ đến sự dồn nén chịu đựng tình riêng để hiến dâng mình cho tổ quốc của các chàng trai đôi mươi sinh lực tràn trề, cùng thời ấy nếu quốc gia hòa bình các anh hẳn đã khác, âm nhạc hội họa điêu khắc văn thơ, bao nhiêu năng khiếu bị chiến tranh vùi dập trong khói lửa đạn bom.

Câu trả lời của người tình Gia Long tên Kim Uyên sau khi kể về một đám cưới của bạn với người Hạ Sĩ Quan Đồng Đê đã bị mất hai chân: *“Nếu là em, em sẽ không làm như thế đâu, em chỉ chấp nhận khi đã thành vợ chồng.”* Có lẽ là bản án “không yêu ai hết” người trai trẻ ngùn ngụt sức sống tự ký cho mình, vì đang phải đối diện với sống chết. Tình yêu trai gái là điều xa xỉ ngoài tầm tay với:

*Đơn xin cưới, một tờ đơn xin cưới. Anh thảo rồi, anh lại xé em ơi. Bờ không muốn thấy người yêu nhỏ bé. Một sớm nào, thành góa phụ ngậy thơ...(Trần Thiện Thanh)*

Sĩ quan thời loạn, binh sĩ thời loạn cấp bậc không là vấn đề, cốt lõi chính là nương nhau như hình bóng để sống còn, tình gia đình cũng không có thì giờ để nhớ đến, nào mẹ nào cha, anh chị em ruột thịt chỉ còn là những lá thư từ nhà gửi ra tiền tuyến, quy định của bộ tổng tham mưu một năm quân nhân có 7 ngày phép hầu như không hề thực hiện được, vì Việt Cộng

liên tiếp gây hấn tấn công, ngay cả trong những ngày ngưng chiến.

Tác giả nhắc đến Y Sĩ – Y Tá chẳng cần biết ta hay địch, chỉ cần cứu người bị thương, dành hơi thở của họ từ tay thần chết trong hoàn cảnh hạn hẹp, có khi bác sĩ dùng một cây viết bic bỏ lỗi, biến nó thành dụng cụ cứu thương binh trong tình trạng nguy kịch.

Đến chặng bị bắt vào tù, ông kể chuyện người dân quê xưa nhận ra mặt, gọi đến tên, từ một người kéo theo bao nhiêu người cùng thôn xưa ấy, trong ấy có Suong người con gái tình nguyện hiến dâng mình cho Chúa phụng vụ tha nhân, bâng bạc chút tình vẫn vương nhưng Em dâng mình cho Chúa – Anh dâng mình cho tổ quốc, nét đẹp của lý tưởng trong chiến tranh thể hiện qua chặng nhỏ này. Bao người lính Thủy Quân Lục Chiến một thời hiên ngang khời lửa chiến tranh không chết lại chết trong tức tưởi vì bị cộng sản cầm tù, bao người dùng mọi cách để giữ tư cách trong hoàn cảnh bưng đói, bị hoa mắt vì miếng ăn trước mặt.

Câu trách móc nhẹ nhàng: “Sao để mắt Huế của em?” từ cô gái bán vải quen biết, biến thành một tác phẩm điêu khắc trên khúc gỗ quý nhặt được bên bờ suối. Không biết tác phẩm ấy còn hay không, trong hình được in lại rất mờ nhưng vẫn có thể thấy sự đối chọi: Âm – dương, hạnh phúc – khổ đau, buồn – vui, hiện tại – tương lai, từ mười ngón tay tài hoa của tác giả đã dùng vật nhọn tự chế thành dao, ắt hẳn khi khoét cái nét sâu trên thớ gỗ, cũng là lúc ông khoét nỗi khắc khoải đau đớn của chính mình, trong hoàn cảnh bị giam tù không biết ngày ra.

Ai bảo lính áo rằn là dữ dằn hung tợn, lời của Thượng Sĩ Nhất nói cho chỉ huy biết tính nết từng người lính nhớ nhà mượn rượu giải sầu, những câu thơ trong bài “Trường Trình Cho Em” của Thủy Quân Lục Chiến Phạm Văn Bình đã chứng minh rõ rệt thêm điều ấy. Thở tôi còn là nữ sinh, không hiểu vì lẽ gì tôi lại thích hát bài “Mười Hai Tháng Anh Đi” trong

tập nhạc của Phạm Duy phát hành năm 1972, có lẽ vì lời thơ Tường Trình Cho Em biết nức nở theo nốt nhạc, khi trầm buồn khi dồn dập theo bước quân đi, có khăn tang trắng cho Huế, có mùa Hè hoa phượng nở, có mưa ngâu mùa Thu có tờ thư ước hẹn gió mây:

*Bây giờ trời mây vào hạ  
Mẹ em bận đi lễ chùa  
Em cầu nguyện cho chiến sĩ  
Trên đường nắng sớm, chiều mưa  
Về Cà Mau, một phong thư  
Gửi cho em, lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng,  
Lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng  
Lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng, lời ta chờ nhau*

.....

*Cuối năm mùa Đông đan áo  
Cuối năm trời đã lạnh rồi  
Thiên hạ đua may áo cưới, ta thì hẹn tới hôm nao.*

.....

*Hoa mai nở đây, em đang chờ đợi  
Mười hai tháng rồi, dài ước mơ say  
Nhớ má cho hồng, nhớ môi em ngọt  
Anh về cùng em, vui đón giao thừa.*

Chỉ một bài nhạc thể thôi, có lẽ là duyên là định mệnh mà tình tôi yêu người Thủy Quân Lục Chiến còn mãi đến bây giờ.

Động đến lý lẽ trái tim có lẽ trái tim của Thiều Tá Phạm Văn Sắt đã bị động nhiều nhất, và được tác giả ghi xuống thay cho bao nhiêu anh Thủy Quân Lục Chiến, đã được niềm vui bất ngờ năm ngày phép về thăm gia đình khi ấy.

Chặng nào tiếp nối sau khi được thả khỏi trại tù, tìm cách sống còn trong chế độ ngu dốt vô nhân, vượt biển sang Mã Lai, được đậu thanh lọc đến tị nạn tại Mỹ? Chặng này hẳn còn phải ghi xuống thêm vài trăm trang sách nữa.

Nhờ quyền sách này, tôi sẽ không hỏi ông Thủy Quân Lục

Chiến, Tiểu Đoàn 6 Thần Ưng nhà tôi, những câu hỏi ngớ ngẩn về những mái tóc, những tà áo, những món quà thăm nuôi “ngoài nó” nữa. Những tên gọi Ái Khanh – Uyên – Hiệp – Sương trong quá khứ không thể nào là nỗi lo lắng cho người được nâng khăn sửa túi người hùng một thuở, người ấy nay chẳng còn ngồi trên yên chiến mã, tay đã run chẳng thể giúp vợ kẻ được cặp chân mày.

*Cám ơn Niên Trưởng Giang Văn Nhân đã gửi tặng “Chặng Đường Nói Tiếp” Cho Như Hoa - Áu Tím / Phạm Thực – TQLC – Tiểu Đoàn 6 Thần Ưng.*



### CÁO LỖI:

Đáng lẽ ra, bài điểm sách “CHẶNG ĐƯỜNG NÓI TIẾP” đã được đăng trong ĐH 108, nhưng vì một sai sót đáng tiếc mà phải để lại ĐH 109.

Một lần nữa, thành thật xin lỗi chị Như Hoa, tác giả bài viết và NT Giang Văn Nhân K22, tác giả của “CHẶNG ĐƯỜNG NÓI TIẾP”.

*Nguyễn Phán, K24*